

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Ngôn ngữ; Chuyên ngành: Ngôn ngữ học ứng dụng

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: BÙI PHÚ HÙNG

2. Ngày tháng năm sinh: 23/9/1973; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Phường Phú Mỹ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 1574/2 Huỳnh Tấn Phát, KP. 2, Phường Phú Mỹ, Quận 7, Tp. Hồ Chí Minh

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Buu điện): Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM, số 279 đường Nguyễn Tri Phương, P. 5, Q. 10, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại di động: 0942119488; E-mail: hungbp@ueh.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

8/2013 - 5/2016	Giảng viên Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Tài Chính - Marketing
6/2016 - 10/2017	Phó Trưởng khoa, Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa nước ngoài - Trường Đại học Văn Hiến
9/2019 - 4/2020	Trưởng khoa, Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Văn Hiến
10/2020 đến nay	Giảng viên, Khoa Ngoại ngữ - Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
Chức vụ hiện nay: Giảng viên

Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa

Cơ quan công tác hiện nay: Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ cơ quan: 279 Nguyễn Tri Phương, Phường 5, Quận 10

Điện thoại cơ quan: 028 38242158

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học: Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

8. Đã nghỉ hưu: Chưa

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): Trường Đại học Tôn Đức Thắng, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 27 tháng 5 năm 2004

Số văn bằng: QC 022498

Ngành: Ngôn ngữ Anh, chuyên ngành: Tiếng Anh Sư phạm

Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 22 tháng 6 năm 2008

Số văn bằng: V08.6454

Chuyên ngành: Giảng dạy tiếng Anh cho người nói ngôn ngữ khác (TESOL)

Nơi cấp bằng ThS: Đại học Victoria, Úc

Quyết định công nhận văn bằng số 006226/CNVB_ThS của Cục Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục ký ngày 17/4/2015

- Được cấp bằng TS ngày 7 tháng 11 năm 2019

Số văn bằng: 0001177

Chuyên ngành: Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn tiếng Anh

Nơi cấp bằng TS: Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Huế

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS cơ sở: Đại học Huế

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HĐGS ngành, liên ngành: Ngôn ngữ học/ Ngôn ngữ học ứng dụng

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Vận dụng các quan điểm của ngôn ngữ học tri nhận trong dạy học tiếng Anh

- Đánh giá lớp học ngoại ngữ

- Tiếng Anh chuyên ngành

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 02 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS và 06 khóa luận tốt nghiệp

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng: 02; Cấp: cơ sở;

- Đã công bố 38 bài báo (35 bài báo khoa học, 01 bài viết của biên tập, 01 bài đánh giá sách và 01 bài ký yếu), trong đó có 25 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Số lượng sách đã xuất bản 03 quyển sách và 04 chương sách; trong đó, 01 quyển sách và 04 chương sách thuộc nhà xuất bản quốc tế có uy tín; 02 quyển sách do nhà xuất bản trong nước cấp phép (có ISBN).

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Thời gian	Danh hiệu	Số QĐ, ngày tháng năm, cơ quan ban hành QĐ
2021-2022	Giảng viên xuất sắc	QĐ số 1504/QĐ-ĐHKT-QTNNL do Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh Tế Tp. HCM ký ngày 09/6/2022
2021-2022	Lao động tiên tiến	QĐ số 1499/QĐ-ĐHKT-QTNNL do Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh Tế Tp. HCM ký ngày 09/6/2022
2022	Top 12 giảng viên nghiên cứu xuất sắc	Giấy khen do Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh Tế Tp. HCM ký
2022-2023	Lao động tiên tiến	QĐ số 711/QĐ-ĐHKT-QTNNL do Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh Tế Tp. HCM ký ngày 17/3/2023
2022-2023	Giảng viên xuất sắc	QĐ số 713/QĐ-ĐHKT-QTNNL do Hiệu trưởng Trường ĐH Kinh Tế Tp. HCM ký ngày 17/3/2023

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Trong quá trình công tác, ứng viên luôn chấp hành nghiêm túc chính sách, đường lối của Đảng và Nhà nước; thực hiện sống và làm việc theo pháp luật.

- Luôn tuân thủ các quy chuẩn đạo đức của nhà giáo, chuẩn mực trong giao tiếp với đồng nghiệp và sinh viên trong trường học; chấp hành chính sách, nội quy của đơn vị và cơ quan. Nghiêm túc trong dạy học, không đi trễ về sớm, chuẩn bị bài trước khi lên lớp, trả lời thắc mắc của sinh viên và học viên cao học trong khả năng có thể.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
- Không ngừng học hỏi nâng cao nghiệp vụ chuyên môn; áp dụng các phương pháp dạy học hiện đại phát huy tính tích cực của người học.

- Say mê thực hiện nghiên cứu khoa học, cố gắng áp dụng tiếp cận các kiến thức mới; sẵn sàng chia sẻ kiến thức với đồng nghiệp; khuyến khích nghiên cứu khoa học trong sinh viên.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số năm thực hiện nhiệm vụ đào tạo: 09 năm 02 tháng

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ chuẩn gd trực tiếp trên lớp/số giờ chuẩn gd quy đổi/số giờ chuẩn định mức (*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2017-2018					359,5		395,5/395,5/202,5
2	2018-2019					268,4		268,4/268,4/202,5
3	2019-2020					134+90	45	269/291/189
03 năm học cuối								
4	2020-2021					300+210	135	645/712,5/270
5	2021-2022			1		360		360/360/270
6	2022-2023			1		360	90	450/495/270

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc Gia Hà Nội số bằng: QC 022498; năm cấp: 2004

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Anh

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Bằng ĐH

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ 2020 đến 2022	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH	Chính	Phụ			
1	Nguyễn Thị Thu Thủy		V	V		2020 - 2022	Trường Đại học Bà Rịa - Vũng Tàu	29/9/2022
2	Hoàng Quốc Việt		V	V		2021 - 2022	Trường Đại học Trà Vinh	21/3/2023

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Sau khi được công nhận TS							
1	Futuristic and linguistic perspectives on teaching writing to second language students (ISBN: 9781799865087)	TK	IGI Global (2021) (Scopus) (https://doi.org/ 10.4018/978-1-7998-6508- 7.ch017)	2		287-306	
2	Multimedia technologies in the internet of things environment	TK	Springer (2022) (Scopus) (https://doi.org/10.1007/978- 981-16-3828-2_9)	4		165-194	

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	(ISBN: 978-981-16-3827-5)					
3	New trends and applications in the internet of things and big data analytics (ISBN: 978-3-030-99328-3)	TK	Springer (2022) (Scopus) (https://doi.org/10.1007/978-3-030-99329-0_4) (https://doi.org/10.1007/978-3-030-99329-0_8)	2	V	2 chương: (trang 45-60 và trang 109-122)
4	A course in English morphology (tái bản lần 3 có chỉnh sửa) (ISBN: 978-604-386-652-0)	TK	Nhà xuất bản Lao Động (2022)	1	V	1-124
5	Cognitive linguistics and second language research: English prepositions and articles (ISBN: 978-604-386-725-1)	TK	Nhà xuất bản Lao Động (2022)	1	V	1-96
6	Multidisciplinary applications of computer-mediated communication (ISBN: 9781668470343)	TK	IGI Global (2023) (https://doi.org/10.4018/978-1-6684-7034-3)	23	V	(thực hiện biên tập chính)

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
II	Sau khi được công nhận TS				
1	Vietnamese students' and teachers' perceptions of EFL classroom assessment	CN	CS-2021-04 Cấp cơ sở	2021-2023	02/3/2023
2	Students' and teachers' perceptions of effective ESP teaching	CN	CS-2022-01 Cấp cơ sở	2022-2023	08/3/2023

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận TS							
1	The use of Vietnamese in English language classes - Benefits and drawbacks	2	V	International Journal on Studies in English Language and Literature		6	Tập 2 số 12, trang 24-26	2014
2	Variants of the phoneme /t/ in English	1	V	International Journal on Studies in English Language and Literature		2	Tập 2 số 12, trang 27-29	2014
3	Improving EFL classroom interaction by understanding students' learning styles https://doi.org/10.11648/j.ijll.20140206.17	1	V	International Journal of Language and Linguistics		5	Tập 2 số 6, Trang 379-386	2014
4	Teachers' and students' attitudes towards the implementation of content-based instruction in higher education in Ho Chi Minh City https://doi.org/10.5539/elt.v9n5p106	2	V	English Language Teaching		4	Tập 9 số 5, trang 106-118	2016
5	Evaluation of an in-service training program for primary school teachers of English in Vietnam https://doi.org/10.5539/ijel.v6n4p96	1	V	International Journal of English Linguistics			Tập 6 số 4, trang 96-103	2016

6	How to apply cognitive linguistics to teaching prepositions and noun plurality https://doi.org/10.26459/huj-os-ssh.v123i9.4188	1	V	Hue University Journal of Science: Social Sciences and Hymanities	Tạp chí trong nước 0.5 điểm		Tập 123 số 9, trang	2016
7	Applying multiple intelligences theory to teaching vocabulary to young learners http://archive.hanu.vn/index.php/vn/tap-chi-khoa-hoc-ngoai-ngu/3495-tap-chi-khnn-so-48-thang-9-2017.html	2	V	Khoa học Ngoại ngữ	Tạp chí trong nước 0.5 điểm		Số 48, trang 66-75	2016
8	Cognitive linguistics and its implications for English language teaching http://archive.hanu.vn/index.php/vn/tap-chi-khoa-hoc-ngoai-ngu/3579-tap-chi-khnn-so-49-thang-12-2016.html	1	V	Khoa học Ngoại ngữ	Tạp chí trong nước 0.5 điểm		Số 49, trang 3-12	2016
9	Vietnamese students learning the semantics of English prepositions http://doi.org/10.17576/gema-2017-1704-10	1	V	GEMA Online Journal of Language Studies	ISI (ESCI), Scopus Q1	14	Tập 17 số 4, trang 146-158	2017
10	Depicting and outlining as pre-writing strategies: Experimental results and learners' opinions https://doi.org/10.12973/iji.2018.11231a	2	V	International Journal of Instruction	ISI (ESCI), Scopus Q1	18	Tập 11 số 2, trang 451-464	2018
11	Students' responses to CL-based teaching of English prepositions https://doi.org/10.14689/ejer.2018.73.3	3	V	Eurasian Journal of Educational Research	ISI (ESCI), Scopus Q3	13	Tập 73, trang 41-58	2018
12	Applying cognitive linguistics to teaching English prepositions: A quasi-experimental study https://doi.org/10.12973/iji.2018.11323a	3	V	International Journal of Instruction	ISI (ESCI), Scopus Q1	29	Tập 11 số 3, trang 327-346	2018

13	Impacts of urban institutions of higher education on the community: A social approach https://doi.org/10.14689/eje.r.2019.80.3	1	V	Eurasian Journal of Educational Research	ISI (ESCI), Scopus Q3	1	Tập 80, trang 39-58	2018
II Sau khi được công nhận TS								
14	Meaningful learning and its implications for language education in Vietnam https://doi.org/10.17323/2411-7390-2019-5-1-98-102	1	V	Journal of Language and Education	ISI (ESCI), Scopus Q2	21	Tập 5 số 1, trang 98-102	2019
15	Impacts of cooperative learning: A qualitative study with EFL students and teachers in Vietnamese colleges https://www.webofscience.com/wos/woscc/full-record/WOS:000489333400014?SID=EUW1ED0B80UsWvFE2bgLEyWXCHpXe	1	V	Issues in Educational Research	ISI (ESCI), Scopus Q2	18	Tập 29 số 4, trang 1223-1240	2019
16	A cognitive linguistic approach to teaching English idioms to EFL students: Experimental results http://doi.org/10.17576/3L-2019-2502-09	1	V	3L: Language, Linguistics, Literature	ISI (ESCI), Scopus Q1	13	Tập 25 số 2, trang 113-126	2019
17	Integrating community service learning into university curriculum: Perspectives from EFL teachers and students https://doi.org/10.21859/LR.R.11.5.201	3		Language Related Research	Scopus Q2	3	Tập 11 số 5, trang 201-226	2020
18	The dogme approach: A radical perspective in second language teaching in the post-methods era https://doi.org/10.17323/jle.2020.10563	2		Journal of Language and Education	ISI (ESCI), Scopus Q2	13	Tập 6 số 3, trang 173-184	2020

19	Vận dụng lược đồ hình ảnh dạy nghĩa không gian của giới từ tiếng Anh: Kết quả thực nghiệm sơ bộ và ý kiến của sinh viên Việt Nam https://jossh.vnu.edu.vn/vi/loi-dung/nam-2016/van-dung-luoc-do-hinh-anh-day-nghia-khong-gian-cua-gioi-tu-tieng-anh-ket-qua-thuc-nghiem-so-bo-va-y-kiem-cua-sinh-vien-viet-nam-594.html	1	V	Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn	Tạp chí 1 điểm		Tập 6 số 6, trang 691-702	2020
20	Áp dụng quan điểm ngôn ngữ học tri nhận và đồng vị trong dạy và học giới từ tiếng Anh cho người Việt Nam https://vjol.info.vn/index.php/khxx/article/view/48898	2	V	Tạp chí Khoa học Xã hội	Tạp chí 0.5 điểm		Tập 260 số 4, trang 43-52	2020
21	Second language teaching and teacher education in diverse contexts (editorial) https://doi.org/10.17323/jle.2020.11455	2	V	Journal of Language and Education	ISI (ESCI), Scopus Q2	2	Tập 6 số 3, trang 4-6	2020
22	Oral corrective feedback in English as a foreign language classrooms: A teaching and learning perspective https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2021.e07550	3		Heliyon	SCIE, IF = 3.776	37	Tập 7 số 7, trang 1-8	2021
23	Communicative pronunciation teaching: Insights from the Vietnamese tertiary EFL classroom https://doi.org/10.1016/j.system.2021.102573	2		System	SSCI, IF = 4.518	12	Tập 101, trang 1-12	2021
24	Mediation of digital tools in English learning https://so04.tci-thaijo.org/index.php/LEARN/article/view/253278	2		LEARN Journal: Language Education and Acquisition Research Network	Scopus Q2	11	Tập 14 số 2, trang 512-528	2021

25	Teachers' and learners' beliefs about pronunciation instruction in tertiary English as a foreign language education https://doi.org/10.3389/fpsyg.2021.739842	4		Frontiers in Psychology	SSCI IF = 4.232	4	Tập 12, trang 1-11	2021
26	A cross-linguistic approach to analysing cohesive devices in expository writing by Asian EFL teachers https://doi.org/10.17576/3L-2021-2702-02	4	V	3L: Language, Linguistics, Literature	ISI (ESCI), Scopus Q1	2	Tập 27 số 2, trang 16-30	2021
27	A cognitive linguistic approach to contrasting English and Vietnamese prepositions	2	V	International Symposium on Southeast Asian Languages, Teaching and Cultures			Trang 17-26	2021
28	Language learning and teaching in a multilingual world (Book review) https://doi.org/10.1558/sols.10545	1	V	Sociolinguistic Studies	Scopus Q2		Tập 15 số 2-4, tr. 403-408	2021
29	Students' and teachers' perceptions of effective ESP teaching https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2022.e10628	1	V	Heliyon	SCIE, IF = 3.776	4	Tập 8 số 9, Bài e10628	2022
30	Classroom assessment and learning motivation: Insights from secondary school EFL classrooms https://doi.org/10.1515/iral-2022-0020	2	V	International Review of Applied Linguistics in Language Teaching	SSCI, IF = 1.971	4	Tập 61 số 3, trang 1-26	2022
31	Encouraging Vietnamese students' willingness to communicate inside English L2 classrooms https://doi.org/10.52547/LR.R.13.5.16	3	V	Language Related Research	Scopus Q2	2	Tập 13 số 5, trang 1-23	2022

32	Vietnamese EFL students' use and misconceptions of cohesive devices in writing https://doi.org/10.1177/21582440221126993	1	V	Sage Open	SSCI, IF = 2.032	2	Tập 12 số 3, trang 1-12	2022
33	Qualitative research in social sciences: data collection, data analysis, and report writing https://doi.org/10.1504/ijpspm.2022.10038439	3		International Journal of Public Sector Performance Management	Scopus Q4	13	Tập 12 số 1/2, tr. 187-209	2023
34	An investigation into EFL pre-service teachers' academic writing strategies https://doi.org/10.1016/J.HELIYON.2023.E13743	3	V	Heliyon	SCIE, IF = 3.776		Tập 9 số 3, bài E13743	2023
35	Vietnamese university EFL teachers' and students' beliefs and teachers' practices regarding classroom assessment https://doi.org/10.1186/S40468-023-00220-W	1	V	Language Testing in Asia	ISI (ESCI), Scopus Q1		Tập 13, bài 10	2023
36	Students' and teachers' beliefs about effective teaching of English for occupational purposes https://doi.org/10.1177/21582440231153076	2	V	Sage Open	SSCI, IF = 2.032		Tập 13 số 1	2023
37	Encouraging EFL students' willingness to communicate inside Vietnamese high school classrooms: Teachers' strategies and students' beliefs https://doi.org/10.22108/ARE.2022.134674.1968	2		Applied Research on English Language	Scopus Q2		Tập 12 số 2, trang 19-44	2023
38	Vietnamese students' use of smartphone apps in English learning https://so04.tci-thaijo.org/index.php/LEARN/article/view/263430	3	V	LEARN Journal: Language Education and Acquisition Research Network	Scopus Q2; Citescore = 1.2		Tập 18 số 1, trang 28-46	2023

- Trong đó: Số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế có uy tín mà UV là tác giả chính sau TS: 14 bài (14, 15, 16, 21, 26, 28, 29, 30, 31, 32, 34, 35, 36, 38).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KH&CN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo đại học ngành Ngôn ngữ Anh, hệ chính quy	Tham gia		Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh	529/QĐ-ĐHKT-ĐBCLPTCT ký ngày 28/2/2023	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:
Không

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS:

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

b) Hoạt động đào tạo:

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): Không

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): Không

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 02 HVCH đã được cấp bằng ThS (UV chức danh PGS):

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 02 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

- Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:
Không

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: Không

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 03 CTKH

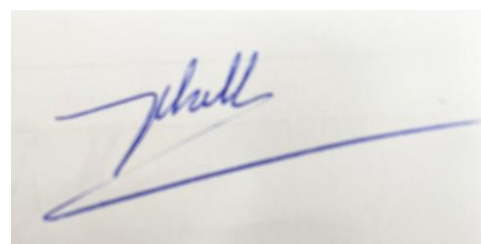
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tp. HCM, ngày 15 tháng 6 năm 2023

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Bùi Phú Hưng